TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2023/DS-ST
Ngày: 20/7/2023.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyến

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 233/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 30/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TCTNHH HD SG.

Trụ sở: Đường L, Phường O, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, địa chỉ: đường L, Phường O, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 220608-8-CEA ngày 08/6/2022). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Phan Văn B, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Địa chỉ: Đường Đ, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01/7/2022, nguyên đơn Công ty TCTNHH HD SG (viết tắt HD SG) có ông Nguyễn Ngọc Vinh, bà Hoàng Thị Thu Thảo và bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày như sau:

Ngày 14/3/2020, ông Phan Văn B ký hợp đồng tín dụng số 2W016784781 với HD SG. Theo hợp đồng, ông B vay số tiền 19.200.000 đồng, để mua 01 xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha Sirus, số khung RLCUE3220KY136698, số máy E3X9E-706004 với giá 24.000.000 đồng, trả trước số tiền 4.800.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, phương thức cho vay: Cho vay từng lần theo phương thức cho vay trả góp, lãi suất hàng tháng 5%, ngày thanh toán vào ngày 10 hàng tháng, hàng tháng thanh toán 1.483.441 đồng, ngày thanh toán đầu tiên vào ngày 10/4/2020 và ngày 10/3/2022 ngày thanh toán cuối cùng. Để bảo đảm khoản vay nêu trên ông B ký hợp đồng thế chấp số 2W016784781 với HD SG để thế chấp tài sản 01 xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha Sirus, số khung RLCUE3220KY136698, số máy E3X9E-706004 cho HD SG.

Sau khi ông B nhận tiền vay, ông B thanh toán cho HD SG số tiền 1.785.000 đồng vào ngày 29/6/2020 nên HD SG đã trừ vào gốc số tiền 570.838 đồng, tiền lãi trong hạn số tiền 820.603 đồng, lãi quá hạn số tiền 313.559 đồng và còn lại trừ vào phí bảo hiểm đã thanh toán 80.000 đồng. Từ sau ngày 29/6/2020 cho đến nay ông B không trả khoản vay cho HD SG là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của hợp đồng mà các bên đã ký kết. Do ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên HD SG khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông B phải trả cho HD SG tổng số tiền 26.054.815 đồng bao gồm: Gốc 18.629.162 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 11/5/2020 đến ngày 10/10/2020 số tiền 5.234.620 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 11/5/2020 đến ngày 01/7/2022 số tiền 2.191.033 đồng của hợp đồng tín dụng số 2W016784781 ngày 14/3/2020.

Từ ngày 02/7/2022 trở về sau, HD SG không yêu cầu ông B trả lãi cho HD SG. HD SG cho ông B vay với tư cách cá nhân nên không biết vợ của ông B là ai, nếu biết thì HD SG không yêu cầu vợ của ông B cùng có trách nhiệm thanh toán khoản vay nêu trên cho HD SG. HD SG không yêu cầu Tòa án giải quyết về hợp đồng thế chấp số 2W016784781 ký giữa ông B và HD SG.

- Bị đơn ông B không đến Tòa và cũng không có văn bản gởi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của HD SG.

Tại phiên Tòa:

- Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H ngày 17/7/2023 yêu cầu như sau:

+ Buộc ông B trả cho HD SG số tiền 26.054.815 đồng bao gồm: Gốc

18.629.162 đồng và lãi tính từ ngày 11/5/2020 đến ngày 10/10/2020 số tiền 5.234.620 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 11/5/2020 đến ngày 01/7/2022 số tiền 2.191.033 đồng của hợp đồng tín dụng số 2W016784781 ngày 14/3/2020. Việc trả tiền thực hiện một lần, khi bản án có hiệu luật pháp luật.

+ Từ ngày 02/7/2022, HD SG không yêu cầu ông B trả lãi của hợp đồng tín dụng số 2W016784781 ngày 14/3/2020.

- Bị đơn ông Phan Văn B vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn HD SG khởi kiện ông B trả số tiền còn thiếu do phát sinh tranh chấp từ hợp đồng tín dụng ngày 14/3/2020 được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ theo kết quả xác minh của Công an xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An như sau: "*Ông Phan Văn B hiện không cư ngụ tại địa chỉ tạm trú ấp N, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An*." và kết quả xác minh của Công an Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: " *Ông Phan Văn B hiện không cư ngụ tại địa chỉ đường Đ, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có hộ khẩu thường trú, đã bán nhà đi đâu không rõ*."

[1.3] Theo hợp đồng tín dụng số 2W016784781 ngày 14/3/2020, ông B cung cấp địa chỉ cho HD SG theo các địa chỉ nêu trên. Do đó, khi ông B thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương và không thông báo với nguyên đơn HD SG là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông B có địa chỉ tại số đường Đ, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.5] Bị đơn ông B được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.6] Bị đơn ông B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.7] Đại diện nguyên đơn bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét:

- Buộc ông B trả cho HD SG số tiền 26.054.815 đồng bao gồm: Gốc 18.629.162 đồng và lãi tính từ ngày 11/5/2020 đến ngày 10/10/2020 số tiền 5.234.620 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 11/5/2020 đến ngày 01/7/2022 số tiền 2.191.033 đồng của hợp đồng tín dụng số 2W016784781 ngày 14/3/2020. Việc trả tiền thực hiện một lần khi bản án có hiệu luật pháp luật;

- Từ ngày 02/7/2022, HD SG không yêu cầu ông B trả lãi của hợp đồng tín dụng số 2W016784781 ngày 14/3/2020, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Về nợ gốc.

Theo đề nghị cấp tín dụng kiêm thỏa thuận sử dụng dịch vụ điện tử số 2W016784781 ngày 14/3/2020 và hợp đồng tín dụng số 2W016784781 ngày 14/3/2020 ký giữa HD SG và ông B có nội dung sau: Số tiền vay 19.200.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, khoản thanh toán hàng tháng 1.483.441 đồng, thanh toán vào ngày 10 hàng tháng, ngày thanh toán đầu tiên ngày 10/4/2020 ngày thanh toán cuối cùng ngày 10/3/2022, mua 01 sản phẩm xe Yamaha Sirus, số khung RLCUE3220KY136698, số máy E3X9E-706004 với giá 24.000.000 đồng, trả trước số tiền 4.800.000 đồng với lãi suất thực tế hàng tháng 5%.

Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: " *Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định."*, và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: "*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*", và tại khoản 11.1 Điều 11 của hợp đồng tín dụng số 2W016784781 ngày 14/3/2020 quy định về hoàn trả khoản nợ như sau: "*Khoản thanh toán hàng tháng phải*

được thanh toán đầy đủ bằng tiền đồng Việt Nam vào ngày đến hạn thanh toán được quy định tại Mục 5 của hợp đồng tín dụng này". Do đó, hàng tháng ông B có nghĩa vụ thanh toán cho HD SG số tiền 1.483.441 đồng vào ngày 10 hàng tháng. Ngày thanh toán đầu tiên của ông B cho HD SG là ngày 10/4/2020 và ngày thanh toán cuối cùng ngày 10/3/2022. Ngày 29/6/2020, ông B thanh toán số tiền 1.785.000 đồng cho HD SG và HD SG đã trừ vào gốc, lãi, phí bảo hiểm. Ông B hàng tháng không thanh toán cho HD SG số tiền 1.483.441 đồng cho HD SG theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho HD SG nên HD SG yêu cầu buộc ông B trả gốc số tiền 18.629.162 đồng của hợp đồng tín dụng số 2W016784781 ngày 14/3/2020 là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về nợ lãi

Căn cứ khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau "*5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi",* và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định : *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật",* và điểm a,b,c khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về lãi suất cho vay như sau: " *4. Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;*

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. ", thì đối chiếu tại khoản 14.2 Điều 14 của hợp đồng tín dụng số 2W016784781 ngày 14/3/2020 quy định về các khoản phí và phạt như sau: "*Nếu bên vay vi phạm các nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Mục 11 của hợp đồng tín dụng này, bên vay sẽ thanh toán cho bên cho vay khoản phạt bằng 150% của lãi suất thực tế hàng tháng (theo quy định tại Mục 5.4 của hợp đồng tín dụng này) của khoản thanh toán hàng tháng chưa thanh toán..."*, và tại hợp đồng tín dụng số 2W016784781 ngày 14/3/2020 có thỏa thuận mức lãi suất như sau: Lãi suất thực tế hàng tháng 5%. Vì vậy, mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 2W016784781 ngày 14/3/2020 mà các bên thỏa thuận là phù hợp quy định

pháp luật nên ghi nhận. Ngày 29/6/2020, ông B thanh toán số tiền 1.785.000 đồng cho HD SG và không thanh toán cho HD SG theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số 2W016784781 ngày 14/3/2020 là vi phạm nghĩa vụ trả nợ với HD SG. Do đó, yêu cầu HD SG buộc ông B trả lãi tính từ ngày 11/5/2020 đến ngày 10/10/2020 số tiền 5.234.620 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 11/5/2020 đến ngày 01/7/2022 số tiền 2.191.033 đồng của hợp đồng tín dụng số 2W016784781 ngày 14/3/2020 là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Từ ngày 02/7/2022, HD SG không yêu cầu ông B trả lãi của hợp đồng tín dụng số 2W016784781 ngày 14/3/2020 nên ghi nhận.

[4] HD SG không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng thế chấp số 2W016784781 ký giữa ông B và HD SG nên không xem xét.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn ông B phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 1.302.741 đồng đối với yêu cầu của HD SG được chấp nhận số tiền là 26.054.815 đồng. Hoàn trả cho HD SG số tiền tạm ứng án phí đã nộp 651.370 đồng theo biên lai thu tiền số 0007663 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng điểm a, b, c khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TCTNHH HD SG.

1. Buộc ông Phan Văn B trả cho Công ty TCTNHH HD SG số tiền là 26.054.815 đồng gồm: Gốc 18.629.162 đồng, lãi tính từ ngày 11/5/2020 đến ngày 10/10/2020 số tiền 5.234.620 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 11/5/2020 đến ngày 01/7/2022 số tiền 2.191.033 đồng của hợp đồng tín dụng số 2W016784781 ngày 14/3/2020.

Việc trả tiền được thực hiện một lần, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn B phải chịu số tiền 1.302.741 đồng và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Công ty TCTNHH HD SG số tiền tạm ứng án phí đã nộp 651.370 đồng theo biên lai thu tiền số 0007663 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Công ty TCTNHH HD SG và bị đơn ông Phan Văn B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Nguyễn Thị Thanh Nhàn